

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 05/2024/KDTM-GĐT

Ngày 10-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng

cung ứng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tiến Hùng - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Các Thẩm phán: - Ông Lê Văn Minh;
- Ông Ngô Hồng Phúc;
- Bà Đào Thị Minh Thủy;
- Ông Nguyễn Hồng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (sau đây viết tắt là Công ty A).

Địa chỉ: Số 47 Cửu L, Phường 2, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại: Số 56-58 Trần Cao V, thành phố Quy N, tỉnh Bình Định (Giấy ủy quyền ngày 27/6/2022).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Cảng B (sau đây viết tắt là Cảng B).

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu T, phường Hải C, thành phố Quy N, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đức Q và ông Đặng Thế H; cùng cư trú tại: Phòng 19.01, Tòa nhà M3-M4, Số 91 Nguyễn Chí T, phường Láng H, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số 02 Phan Chu T, phường Hải C, thành phố Quy N, tỉnh Bình Định (Giấy ủy quyền ngày 17/01/2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (sau đây viết tắt là Công ty P).

Địa chỉ: Số 01 Thanh N, phường Thượng L, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Bích N1 - Giám đốc Công ty.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 12/10/2016, Công ty A (Bên A) và Cảng B (Bên B) ký kết Hợp đồng kinh tế số 274/A/2016/01.02 (sau đây viết tắt là Hợp đồng 274) về việc “Thuê tàu lai vào khai thác tại Cảng B”, với nội dung tóm tắt như sau: Bên B đồng ý thuê tàu lai của bên A để thực hiện hỗ trợ tàu thủy của khách hàng bên B ra/vào cảng biển Quy Nhơn; Thời hạn thuê 10 năm; Trách nhiệm của bên A:... Sau mỗi chuyến hỗ trợ tàu thủy vào hoặc ra cầu cảng, Thuyền trưởng có trách nhiệm nộp phiếu xác nhận cho bên B. Hàng tháng, Thuyền trưởng cùng cán bộ của bên B lập và đối chiếu Bảng kê chi tiết hoạt động của tàu lai và cước phí hỗ trợ (tách riêng giá nội và ngoại); Giá cả và phương thức thanh toán: Đơn giá, theo đơn giá thanh toán của bên B phê duyệt (có Phụ lục hợp đồng theo từng thời điểm). Đơn giá được điều chỉnh tùy theo biến động của thị trường; Chứng từ thanh toán bao gồm: (i) Chứng từ do bên B xác lập: Giấy đề nghị thanh toán, (ii) Chứng từ do bên A xác lập: Phiếu xác nhận khối lượng thực hiện, Bảng kê chi tiết hoạt động lai tàu, Hóa đơn dịch vụ giá trị gia tăng của bên A. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng, hai bên tiếp tục ký các Phụ lục hợp đồng (Phụ lục số 01 ngày 01/01/2017, số 02 ngày 01/7/2017, số 03 ngày 23/4/2018, số 04 ngày 07/5/2018), trong đó có nội dung hai bên thỏa thuận điều chỉnh về đơn giá thanh toán cước các tàu lai theo chiều dài tàu, đặc điểm tàu (có chân vịt hoặc không có chân vịt) và trọng tải của tàu yêu cầu hỗ trợ lai dắt.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã tiến hành đối chiếu và thanh toán cụ thể như sau: Từ ngày 12/10/2016 đến ngày 01/7/2017 hai bên đã hoàn thành việc thanh toán, xuất hóa đơn và không có tranh chấp. Từ ngày 01/7/2017 đến 05/12/2018, hai bên đã đối chiếu và thống nhất, Cảng B đã thu của các tàu khách hàng 76.318.155.736 đồng tương ứng với 2.262 lượt lai dắt mà Công ty A đã thực hiện (trong đó: Lai dắt tàu ngoại là 1.585 lượt, với giá trị tương ứng là 2.919.979 USD quy đổi bằng 66.560.715.736 đồng; lai dắt tàu nội là 677 lượt tương ứng 9.757.440.000 đồng). Cảng B đã thanh toán cho Công ty A 51.879.851.800 đồng, Công ty A đã xuất hóa đơn cho Cảng B.

Công ty A cho rằng, do Cảng B vi phạm Hợp đồng 274 (không thực hiện đối chiếu, không thanh toán cho Công ty A theo giá tàu ngoại) nên ngày 04/12/2018, Công ty A ban hành Văn bản số 72/CV-CL gửi Cảng B với nội dung: Công ty A thông báo sẽ kết thúc Hợp đồng 274 với Cảng B vào ngày 05/12/2018. Sau khi kết thúc hợp đồng, Công ty A sẽ thực hiện việc ký hợp đồng trực tiếp với các Chủ tàu/Đại lý tàu biển để thực hiện dịch vụ lai dắt tàu biển vào làm hàng tại cảng biển B.

Ngay sau khi thông báo “ngày 05/12/2018 chấm dứt hợp đồng” thì ngày 06/12/2018, Công ty A đã không thực hiện công việc lai dắt tàu thủy vào cảng biển B. Trước tình hình đó, để đảm bảo các hãng tàu, các tàu vào cảng biển B theo hợp đồng đã ký với Cảng B thì Cảng B đã phải thông báo cho các hãng tàu trực tiếp liên hệ với Công ty A để được hỗ trợ lai dắt ra vào cảng biển B, còn Cảng B đồng ý để Công ty A được hưởng 100% cước phí lai dắt đó. Từ ngày 05/12/2018 đến ngày 25/12/2018 Công ty A đã thực hiện 21 lượt lai dắt do các hãng tàu liên hệ trực tiếp. Ngày 26/12/2018, Cảng B đã ban hành Văn bản số 1040/CV-QNP gửi Công ty A về việc cam kết thực hiện thanh toán đủ 100% số tiền của 21 lượt lai dắt mà Cảng B đã thu của các hãng tàu. Hiện nay, số tiền này đã được thanh toán, Công ty A đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Cảng B.

Tuy nhiên, Công ty A cho rằng, ngày 01/12/2016, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 3863/QĐ-BGTVT về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ bốc dỡ Container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam (sau đây viết tắt là Quyết định số 3863) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017 nên Cảng B phải tách đơn giá tàu nội, tàu ngoại để thanh toán cho Công ty A.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019 (được sửa đổi, bổ sung ngày 08/8/2019, ngày 21/8/2019, ngày 27/01/2021, ngày 15/3/2021, ngày 20/01/2022) và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty A (do bà N là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Đề nghị Tòa án giải quyết: yêu cầu Cảng B tiếp tục thực hiện Hợp đồng 274; yêu cầu Cảng B phải thanh toán phí dịch vụ lai dắt tàu ngoại từ ngày 01/7/2017 đến hết ngày 05/12/2018, với số tiền là 24.438.309.936 đồng; yêu cầu Cảng B bồi thường thiệt hại vì không cho Công ty A thực hiện lai dắt trong 02 năm 2019 và 2020 (gồm chi phí lãi vay ngân hàng, chi phí tiền lương nhân công, bảo hiểm xã hội, khấu hao tài sản, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu, lợi ích bị mất do công việc bị đơn vị khác thế chỗ), với tổng số tiền là 41.865.421.192 đồng; yêu cầu Cảng B trả các khoản lãi theo quy định của pháp luật, do chậm thanh toán các khoản nợ, kể từ khi chậm trả cho đến khi bản án có hiệu lực.

Bị đơn là Cảng B (do ông Nguyễn Đức Q và ông Đặng Thế H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Cảng B xác nhận đã ký Hợp đồng 274 và các Phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03, 04; xác nhận trong thời gian từ ngày 01/7/2017 đến ngày 05/12/2018 hai bên đã tiến hành đối chiếu và thống nhất số liệu, Cảng B thu cước phí lai dắt tàu của khách hàng là 76.318.155.736 đồng theo khung giá quy định tại Quyết định số

3863 tương ứng với 2.262 lượt tàu lai dắt mà Công ty A đã thực hiện. Cảng B đã thanh toán cho Công ty A số tiền 51.879.851.800 đồng. Cảng B cho rằng số tiền 76.318.155.736 đồng là Cảng B thu của khách hàng theo Quyết định số 3863, còn số tiền Cảng B đã thanh toán cho Công ty A là theo Hợp đồng 274 và các Phụ lục hợp đồng. Số liệu này đã được hai bên đối chiếu và xác nhận, Công ty A cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Cảng B. Nên việc Công ty A khởi kiện yêu cầu Cảng B phải thanh toán số tiền 24.438.309.936 đồng là không có căn cứ. Cảng B yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng 274 mà hai bên đã ký.

Do Công ty A ban hành Văn bản số 72/CV-CL ngày 04/12/2018 thông báo sẽ chấm dứt Hợp đồng 274 với Cảng B vào ngày 05/12/2018 (thực tế, ngày 06/12/2018, Công ty A đã không thực hiện việc lai dắt). Vì phải đảm bảo an ninh, an toàn hàng hải, thông suốt lưu thông hàng hóa, trong khi từ trước đến nay Cảng B chỉ thuê Công ty A lai dắt tàu cập cảng nên ngày 07/12/2018 Cảng B ban hành Văn bản số 963/QNP-KD thông báo cho các hãng tàu liên lạc trực tiếp với Công ty A để được hỗ trợ lai dắt và Cảng B buộc phải chấp nhận để Công ty A hưởng trọn 100% tiền thu của khách hàng từ ngày 05/12/2018 đến ngày 25/12/2018. Đồng thời, trong thời gian này, ngày 10/12/2018, Cảng B cũng đã triển khai ký Hợp đồng kinh tế số 12.2018/QNP-PTL thuê tàu lai của Công ty P lai dắt tàu cập cảng nên nay không đồng ý tiếp tục thực hiện Hợp đồng 274 với Công ty A.

Ngày 26/12/2018, Cảng B ban hành Văn bản số 1040/CV-QNP thống kê chi tiết số lượng các hãng tàu thủy đã sử dụng tàu lai của Công ty A trong thời gian từ ngày 05/12/2018 đến ngày 25/12/2018 và cam kết thanh toán đầy đủ chi phí tàu lai cho Công ty A. Hiện nay, số tiền cước phí lai dắt từ ngày 05/12/2018 đến ngày 25/12/2018 đã được Cảng B thanh toán 100% số tiền mà Cảng B đã thu của các hãng tàu thủy cho Công ty A.

Ngày 25/01/2021, Cảng B có đơn phản tố, yêu cầu Công ty A bồi hoàn số tiền chênh lệch giữa số tiền Cảng B thu của Chủ tàu/Đại lý, Hãng tàu mà Cảng B đã trả cho Công ty A từ ngày 06/12/2018 đến ngày 31/12/2018 với số tiền là 1.388.422.570 đồng và bồi thường thiệt hại từ việc Công ty A không hoàn trả vị trí neo tàu lai lại cho Cảng B số tiền là 1.226.826.810 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm Cảng B rút phần yêu cầu phản tố đối với số tiền 1.226.826.810 đồng; yêu cầu Tòa án tuyên bố hai bên chấm dứt Hợp đồng 274.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty P trình bày:

Công ty P thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng số 12.2018/QNP-PTL ngày 10/12/2018; Hợp đồng kinh tế về việc thuê tàu lai vào khai thác tại Cảng B số 03.2019/QNP-PTL ngày 08/4/2019 và Phụ lục hợp đồng kinh tế về việc thanh toán chi phí thuê tàu lai số 01/QNP-PTL ngày 24/01/2019 với Cảng B. Vụ việc giữa Công ty A và Cảng B không liên quan gì với Công ty P.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 14/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc Cảng B phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 3.986.299.000 đồng cho Công ty A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu của Cảng B về việc không chấp nhận trả số tiền 3.986.299.000 đồng cho Công ty A.

3. Bác yêu cầu phản tố của Cảng B đòi Công ty A phải bồi thường thiệt hại cho Cảng B số tiền 2.453.653.625 đồng.

4. Buộc Cảng B tiếp tục thực hiện Hợp đồng 274 đã ký kết với Công ty A.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2020/KDTM-PT ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

- Buộc Cảng B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A phí dịch vụ lai dắt tàu từ ngày 01/07/2017 đến hết ngày 05/12/2018 là 24.438.303.936 đồng (thuế giá trị gia tăng 0%). Công ty A có nghĩa vụ xuất hóa đơn cho Cảng B sau khi Công ty A nhận được số tiền 24.438.303.936 đồng.

- Buộc Cảng B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A tiền lãi do chậm thanh toán là 4.390.748.000 đồng.

- Buộc Cảng B phải bồi thường thiệt hại cho Công ty A trong hai năm 2019 và 2020 với số tiền là 21.066.570.128 đồng.

Tổng cộng Cảng B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A 49.895.622.064 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc Cảng B tiếp tục thực hiện Hợp đồng 274 đã ký kết với Công ty A.

3. Bác yêu cầu phản tố của Cảng B đòi Công ty A phải hoàn trả số tiền chênh lệch cho Cảng B là 1.388.422.570 đồng.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện của Công ty A yêu cầu Cảng B trả 1.133.250.000 đồng của Hợp đồng số 171/THO/2018/03.03 ngày 13.01.2018 giữa Công ty A với Cảng B.

5. Đình chỉ xét xử đối với phần phản tố của Cảng B yêu cầu Công ty A bồi thường thiệt hại từ việc Công ty A không hoàn trả vị trí neo tàu lại lại cho Cảng B với số tiền 1.226.826.810 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/7/2022, Cảng B có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

- Ngày 29/7/2002, Công ty A có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 (được sửa chữa, bổ sung tại Quyết định số 02/2023/QĐ-SCBSBA ngày 06/01/2023), Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Cảng B,

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty A.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần bồi thường thiệt hại và phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

- Buộc Cảng B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A phí dịch vụ lai dắt tàu từ ngày 01/7/2017 đến hết ngày 05/12/2018 là 24.438.303.936 đồng (thuế giá trị gia tăng 0%). Công ty A có nghĩa vụ xuất hóa đơn cho Cảng B sau khi Công ty A nhận được 24.438.303.936 đồng.

- Buộc Cảng B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A tiền lãi do chậm thanh toán là 4.390.748.000 đồng.

- Buộc Cảng B phải bồi thường thiệt hại cho Công ty A trong hai năm (năm 2019 và năm 2020) là 24.651.366.128 đồng.

Tổng cộng, Cảng B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A 53.480.418.064 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Cảng B tiếp tục thực hiện Hợp đồng 274 đã ký kết với Công ty A.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về việc thi hành án và án phí.

Ngày 04/01/2023 và ngày 27/02/2023, Cảng B và Công ty P có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 14/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; giao hồ

sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo hồ sơ vụ án và tài liệu mà Cảng B gửi kèm đơn đề nghị giám đốc thẩm cho thấy Cảng B có đăng ký kinh doanh ngành nghề lai dắt tàu biển. Do đó, Cảng B có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 và Điều 257 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015.

[2] Cảng B ký hợp đồng cung cấp dịch vụ lai dắt với các Hãng tàu, Đại lý hàng hải theo Biểu cước dịch vụ cảng biển do Cảng B ban hành phù hợp với quy định về hợp đồng lai dắt tàu biển tại Điều 179 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 (nay là Điều 258 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015).

[3] Quyết định số 3863/QĐ-BGTVT ngày 01/12/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc “Ban hành biểu khung giá dịch vụ bốc dỡ Container và dịch vụ lai dắt tại Cảng biển Việt Nam” (có hiệu lực từ ngày 01/7/2017) và Cảng B được hưởng theo biểu khung giá dịch vụ lai dắt quy định tại Quyết định số 3863 khi ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ lai dắt với các Hãng tàu, Đại lý hàng hải.

[4] Hợp đồng 274/A/2016/01.02 ngày 12/10/2016 và 04 Phụ lục hợp đồng (Phụ lục số 01 ngày 01/01/2017; số 02 ngày 01/7/2017; số 03 ngày 23/4/2018; số 04 ngày 07/5/2018) giữa Công ty A (bên A) và Cảng B (bên B) về việc “Thuê tàu lai vào khai thác tại Cảng B” là thuê tàu lai dắt, không phải là dịch vụ lai dắt nên đơn giá do hai bên thỏa thuận. Hai bên không có phụ lục điều chỉnh đơn giá lai dắt tàu nội, ngoại cũng như không có thỏa thuận bên B phải thanh toán cho bên A toàn bộ 100% tiền thu của khách hàng.

[5] Công ty A là bên chủ động chấm dứt Hợp đồng 274 bằng việc ban hành Văn bản số 72/CV-CL ngày 04/12/2018 thông báo sẽ kết thúc thực hiện Hợp đồng 274 với Cảng B vào ngày 05/12/2018. Sau ngày 05/12/2018, thực hiện chỉ đạo của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn, để đảm bảo an ninh, an toàn hàng hải, thông suốt lưu thông hàng hóa, nên ngày 07/12/2018 Cảng B ban hành Văn bản số 963/QNP-KD thông báo cho các hãng tàu liên lạc trực tiếp với Công ty A để được hỗ trợ lai dắt và Cảng B buộc phải chấp nhận để Công ty A hưởng trọn 100% tiền thu của khách hàng từ ngày 05/12/2018 đến ngày 25/12/2018 đối với 21 lượt lai dắt là giải pháp tình thế.

[6] Như vậy, Cảng B có kinh doanh ngành nghề lai dắt tàu biển, trực tiếp ký hợp đồng cung cấp dịch vụ lai dắt với các Hãng tàu, Đại lý hàng hải sau đó ký Hợp đồng 274 với Công ty A nên Công ty A không phải là đối tượng được áp dụng giá dịch vụ lai dắt theo Quyết định số 3863 mà chỉ được hưởng đơn giá theo giá hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng 274. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp

phức thẩm nhận định Cảng B là doanh nghiệp không đủ điều kiện, chức năng để thực hiện kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển; Công ty A là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lai dắt tàu, nên Công ty được thu phí lai dắt tàu theo khung giá dịch vụ lai dắt tàu của Quyết định số 3863, còn Cảng B không phải là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lai dắt tàu, nên Cảng B không phải là đối tượng được hưởng số tiền thu phí lai dắt theo Quyết định số 3863; từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, buộc Cảng B thanh toán phí dịch vụ lai dắt (từ 01/7/2017 đến 05/12/2018) theo Quyết định số 3863 với số tiền 24.438.303.936 đồng và tiền lãi của số tiền này là nhằm lẫn khái niệm thuê tàu lai dắt và khái niệm làm dịch vụ lai dắt, không đúng thỏa thuận của hai bên và áp dụng sai pháp luật gây thiệt hại cho Cảng B.

[7] Do Công ty A đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng từ ngày 05/12/2018 nên Hợp đồng 274 chấm dứt theo quy định tại khoản 1 Điều 311 Luật Thương mại năm 2005; việc thực hiện 21 lượt lai dắt từ ngày 05/12/2018 đến ngày 25/12/2018, Cảng B thu của Hãng tàu, Đại lý hàng hải bao nhiêu thì trả Công ty A bấy nhiêu chỉ là giải pháp tình thế, không phải là việc đồng ý tiếp tục thực hiện Hợp đồng 274 vì đơn giá theo Hợp đồng 274 là do hai bên tự nguyện thỏa thuận; Cảng B không có lỗi trong việc thanh toán, không vi phạm Hợp đồng 274 nên không gây thiệt hại cho Công ty A; việc Cảng B cung cấp điện, nước cho tàu của Công ty A theo Hợp đồng 274 không phải là hợp đồng song vụ mà là việc tàu sử dụng điện, nước thì phải trả tiền. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc Cảng B phải bồi thường thiệt hại phát sinh trong năm 2019 và năm 2020 với số tiền 24.651.366.128 đồng và buộc Cảng B tiếp tục thực hiện Hợp đồng 274 là không có căn cứ, gây thiệt hại cho Cảng B.

[8] Khi xét xử lại theo trình tự sơ thẩm, cần xem xét kết quả thi hành án dân sự theo Thông báo số 1051/TB/CTHADS ngày 20/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, cũng như các yêu cầu của đương sự sau khi xét xử phúc thẩm.

[9] Do đó, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là có cơ sở, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 14/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về vụ án kinh doanh, thương mại “*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ*” giữa nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A với bị đơn

là Công ty Cổ phần Cảng B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn P. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 10);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh H (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh H;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm Tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKT II (02 bản), TP, VPTANDTC, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tiến Hùng